

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2018/DS-PT

Ngày: 27/11/2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước
- Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội
Ông Lê Thành Tôn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bùi Thị Kim Xuyên-Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 11 và ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 336/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2018; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 209/TB-TA ngày 24 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 328 ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Huỳnh Tấn C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Bà Huỳnh Thị Ánh X, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Ông Huỳnh Tấn M, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.8. Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1966;

1.9. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1972;

1.10. Anh Huỳnh Tấn P, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà H1, bà X, ông M, ông T, bà P, anh L, chị N, anh P là Anh Huỳnh Tấn C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Huỳnh Tấn C: Luật sư Lê Văn Đ, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Xuân T1: Luật sư Nguyễn Trường T2, Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1956;

3.2. Chị Nguyễn Thị Phương T3, sinh năm 1981;

3.3. Anh Nguyễn Toàn T4, sinh năm 1982;

3.4. Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị T3, anh T4, chị Phương A là bà Trần Thị S.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu T5 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Huỳnh Tấn C, sinh năm 1974 là nguyên đơn trong vụ án.

(Có mặt: Anh C, ông T1, bà S, luật sư Đ, luật sư T2; Vắng mặt: ông T5 có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng luật Đ, luật sư T2 vắng mặt phiên tòa ngày 27/11/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Huỳnh Tấn C cùng đại diện cho các đồng nguyên đơn trình bày: Ông nội của các nguyên đơn có để lại cho cha các nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn H2 (đã chết năm 2011) 32.000m² đất tọa lạc tại xã V. Đến năm 1983, UBND huyện T (nay là huyện L) đã trưng dụng khoảng 1.800m² làm trạm bơm điện xã V sau đó trạm bơm không còn tồn tại thì nhà nước tiếp tục trưng dụng phần đất của ông H2 để xây bệnh viện với tổng diện tích là 22.000m² (Trong đó có trưng dụng diện tích đất làm trạm bơm khoảng 1.000m²), còn lại khoảng 800m² ông T1 tự ý bao chiếm sử dụng, lẽ ra phần đất này không còn trưng dụng làm trạm bơm nữa thì nhà nước phải trả cho gia đình ông H2 sử dụng.

Nay các nguyên đơn cầu yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T1 trả lại diện tích bao chiếm khoảng 800m² cho các nguyên đơn sử dụng.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân T1 trình bày: Hiện ông T1 đang sử dụng diện tích khoảng 880m² đất vườn. Nguồn gốc đất này trước đây là đất của Nhà nước quản lý. Đến năm 1979, Trung ương đầu tư xây dựng trạm bơm điện xã V có đền bù cho chủ đất cũ, nhà nước đã xây dựng căn nhà cho cán bộ nhân viên trạm bơm điện ở để phục vụ cho trạm bơm. Sau đó trạm bơm không còn hoạt động thì nhà nước quy hoạch xây dựng bệnh viện 200 giường. Do ông T1 là bộ đội kháng chiến chống Mỹ về và công tác tại bệnh viện nên được Nhà nước cấp căn nhà và 880m² đất của trạm bơm nói trên. Đến ngày 02/04/1985, ông T1 được UBND huyện T chấp thuận cấp đất và nhà này cho T1 (có văn bản ý kiến chấp thuận của UBND huyện T ngày 02/4/1985), gia đình T1 đã sửa chữa và sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng có tôn tạo bồi đắp phần đất và trồng cây trái như hiện nay.

Nay ông T1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S và là đại diện theo ủy quyền của chị T3, anh T4, chị Phương A thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Xuân T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến như sau: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đang quản lý (Sổ mục kê, bản đồ

299), ghi nhận phần đất đang tranh chấp thuộc thửa số 317, tờ bản đồ số 8a, diện tích 720m² mục đích sử dụng đất thổ, trên sổ mục kê ghi nhận chủ sử dụng đất là "Cơ quan bệnh viện", đất tọa lạc tại xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Qua thẩm tra, xác minh ghi nhận vào năm 1983, Nhà nước thu hồi để xây bệnh viện huyện cũ (Nay là trung tâm y tế - dân số Huyện), thời điểm trưng dụng không có bồi thường về đất chỉ có hỗ trợ về cây trồng có trên đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ quy hoạch bệnh viện trước đây, hiện nay đã bị thất lạc nên không xác định việc hỗ trợ về cây trồng có trên đất cho ai. Trong quá trình xây dựng bệnh viện thì phần đất đang tranh chấp (Thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8a) nằm ngoài hàng rào bệnh viện, nên ông Nguyễn Xuân T1 đã quản lý, sử dụng phần đất này. Qua kiểm tra quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 -2020 thì phần đất này theo quy hoạch sử dụng đất là đất ở nông thôn và một phần con hẻm đi qua phần đất này. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện thẩm tra xác minh làm rõ để có cơ sở ra bản án hay quyết định có hiệu lực được thi hành thì UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án hay quyết định của Tòa án theo quy định.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T1 trả lại diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a (sổ mục kê, bản đồ 299 ghi tên cơ quan bệnh viện) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do hộ ông Nguyễn Xuân T1 quản lý sử dụng, đất tọa lạc xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Xuân T1. Hộ ông Nguyễn Xuân T1 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai đứng tên diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế do hộ ông Nguyễn Xuân T1 quản lý sử dụng, đất tọa lạc xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có tứ cận như sau:

Phần giáp đất Võ Tường Vân gồm nối dài các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9.

Phần giáp vách tường còn lại của Trung tâm y tế huyện L gồm các mốc M2, M3, M4.

Phần giáp đất Huỳnh Thanh Điền gồm các mốc M1, M5, M13, M11, M9.

Phần giáp kênh thủy lợi từ mốc M1, M2.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2016 kèm theo.

Trên đất có các cây trồng do hộ ông T1 trồng được thể hiện trong biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 (có biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 kèm theo) giao cho hộ ông T1 tiếp tục sử dụng.

2. Về án Phí:

Bà Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C cùng có nghĩa vụ nộp 13.518.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 037082 ngày 28/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Đương sự Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C cùng có nghĩa vụ nộp thêm 11.718.000đồng.

3. Về chi phí thẩm định, định giá:

Đương sự Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C cùng có nghĩa vụ nộp 2.434.000 đồng, số tiền này các đương sự đã nộp và đã chi xong.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2017 anh Huỳnh Tấn C là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu giải quyết cho các nguyên đơn được nhận lại phần đất của ông bà.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Luật sư Lê Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C trình bày: Ông H2 khiếu nại phần đất tranh chấp với ông T1 liên tục từ ngày 10/3/1988 đến khi ông H2 chết năm 2011 kèm theo danh mục đơn và sổ theo dõi gửi đơn khiếu nại do ông H2 tự ghi, sau khi ông H2 chết thì các con của ông H2 tiếp tục khởi kiện cho đến nay; Ủy ban nhân dân huyện L đã xác định diện tích tranh chấp này chỉ trưng dụng làm trạm bơm chứ không có thu hồi đất; thẩm quyền giao đất của Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện T nay là huyện L vào ngày 02/4/1985 theo đơn xin đất và nhà ở của ông T1 là không đúng với Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; về nguồn gốc đất được xác định của ông, bà để lại cho ông H2 là cha của anh C, từ khi nhà nước trưng dụng làm trạm bơm đến khi ông T1 bao chiếm cho đến nay trong họ tộc không có ai đi khiếu nại chỉ có ông H2 khiếu nại liên tục nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C, sửa bản án dân

sự sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh C đồng ý trả giá trị các vật kiến trúc, cây trồng có trên diện tích đất tranh chấp tổng cộng là 15.684.500 đồng; tự nguyện chịu 4.434.000 đồng các lệ phí Tòa án và tự nguyện hỗ trợ công suất 200.000.000 đồng cho hộ ông T1 là có tình, có lý đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của anh C.

Anh Huỳnh Tấn C trình bày: Thống nhất lời trình bày của luật sư Đ.

Luật sư Nguyễn Trường T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 trình bày: Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách của 10 nguyên đơn là không đúng. Vì, theo trích lục địa bộ ngày 24/5/1965 do cụ Huỳnh Tấn C1 đứng tên địa bộ, ông H2 gọi cụ C1 bằng bác ruột nên 10 nguyên đơn là con của ông H2 không phải là những người trong hàng thừa kế của cụ C1, do đó các nguyên đơn không được quyền khởi kiện; vụ án này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Bởi lẽ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có Quyết định giải quyết hành chính số 329, ngày 26/6/2008; Bản án dân sơ sơ thẩm chỉ có anh C kháng cáo, 09 nguyên đơn còn lại không có kháng cáo được xem là đồng ý với bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp lực 9/10 người nên nguyên đơn yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích 772,5m² là không có căn cứ; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C. Nguyên đơn cho rằng ông T1 bao chiếm phần đất tranh chấp là không có căn cứ; bởi lẽ ông T1 được ủy ban nhân dân huyện T chấp thuận giao đất và nhà theo đơn xin đất và nhà ở của ông T1 đề ngày 20/3/1985 là hợp pháp không bị ai khiếu nại; quá trình giải quyết khiếu nại cấp huyện đã giải quyết xong, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng có Quyết định giải quyết khiếu nại của ông H2 số 329 nói trên là đã chấm dứt từ năm 2008 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa vụ án ra xét xử là không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án dân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị S trình bày: Thống nhất lời trình bày của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội của các nguyên đơn để lại cho ông H2 là cho của các nguyên đơn; năm 1983 Ủy ban huyện T trưng dụng khoảng 1.800m² làm trạm bơm điện xã V; sau đó trạm bơm giải thể, nhà nước tiếp tục trưng dụng khoảng 1.000m² để làm bệnh viện, còn lại khoảng 800m² nằm ngoài hàng rào bệnh viện do gia đình ông T1 sử dụng được Ủy ban

nhân dân huyện T chấp thuận ngày 02/4/1985 theo đơn xin đất và nhà ở của ông T1. Tuy nhiên, đến 1998 ông T1 đã mua đất khác để cất nhà ở cho đến nay; Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án theo quy định. Đồng thời, Trung tâm y tế huyện L cũng có ý kiến phần diện tích tranh chấp giữa anh C với ông T1 nằm ngoài hàng rào không sử dụng nên Trung tâm y tế chấp hành theo quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông T1 200.000.000 đồng là phù hợp nên chấp. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của hai luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Tấn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ ông Nguyễn Xuân T1 trả lại diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, tọa lạc tại xã V, huyện L, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Diện tích đất tranh chấp 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, hiện chưa được cấp quyền sử dụng đất, theo sổ mục kê thì thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của Cơ quan bệnh viện (nay là trung tâm y tế huyện L). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Công văn số 911/TTYT-TCHC ngày 10/9/2018 của Trung tâm y tế huyện L xác định không có ý kiến tranh chấp gì đối với diện tích đất ngoài hàng rào bệnh viện hiện anh C đang tranh chấp với ông T1 và thống nhất theo quyết định của Tòa án.

- Về nguồn gốc đất là của ông bà các nguyên đơn để lại cho cha của các nguyên đơn, năm 1979 nhà nước trưng dụng phần diện tích đất trên để xây dựng làm trạm bơm V, các hộ dân bị trưng dụng đất đã được bồi thường về cây trồng và tài sản có trên đất. Sau đó trạm bơm không hoạt động nên giao cho bệnh viện quản lý. Một phần đất của trạm bơm trước đây nằm ngoài hàng rào bệnh viện trên đất có căn nhà được xây dựng cho cán bộ trạm bơm sử dụng sau đó được giao cho ông T1 sử dụng.

- Theo Công văn số 126/UBND-NC ngày 20/6/2016 của UBND huyện L xác định tại thời điểm trưng dụng đất không có bồi thường về đất chỉ có hỗ trợ về cây trồng có trên đất, điều này phù hợp với biên bản ngày 05/3/1979 ghi đền bù “Hoa màu và nhà cửa thuộc phạm vi trạm bơm”. Như vậy, đối với phần diện tích 772,5m² đất tranh chấp thì khi xây dựng trạm bơm điện vào năm 1979 nhà nước

chỉ trưng dụng đất chứ không thu hồi nên không bồi thường giá trị đất cho gia đình ông H2. Do đó, việc UBND huyện T (nay là huyện L) chấp nhận đơn xin đất và nhà ở vào ngày 02/4/1985 của ông T1 là chưa phù hợp về thẩm quyền giao đất được quy định tại điểm a, khoản 2, phần thứ V của Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước. Trường hợp này là thuộc thẩm quyền giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp mới đúng. Ngoài ra, phần đất tranh chấp nhà nước chỉ trưng dụng; trường hợp nhà nước không sử dụng thì phải trả lại cho chủ sử dụng đất nhưng UBND huyện T giao cho ông T1 sử dụng là không phù hợp pháp luật.

- Công văn số 123/UBND-NC ngày 19/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phúc đáp nội dung yêu cầu của Tòa án Tỉnh vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa anh Huỳnh Tấn C với ông Nguyễn Xuân T1 xác định: UBND huyện sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án hay Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

- Việc ông Nguyễn Xuân T1 cho rằng diện tích đất tranh chấp trên ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp nên ông được quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, năm 2002 ông T1 làm đơn xác nhận sử dụng đất thổ cư để kèm theo hồ sơ kê khai diện tích đất tranh chấp, trong đơn ông T1 cam đoan ngoài diện tích đất thổ cư này ông T1 không còn sử dụng đất thổ cư nào khác trong địa phương nhưng trên thực tế ông T1 đã có chỗ ở khác (cấp UBND xã V), không còn ở trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1998, diện tích đất này chỉ còn sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm.

[2] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy khi nhà nước trưng dụng đất của gia đình ông H2 để xây dựng trạm bơm điện V chưa bồi thường giá trị đất cho gia đình ông H2, ngoài ra các nguyên đơn cũng có chứng cứ chứng minh có khiếu nại việc thu hồi đất và việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T1 từ năm 1988 đến nay. Đồng thời hiện nay nhà nước không còn nhu cầu sử dụng đất nữa. Do đó việc các đồng nguyên đơn là người thừa kế của ông H2 yêu cầu hộ ông T1 trả lại đất là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L căn cứ vào đơn xin đất và nhà ở ngày 02/4/1985 của ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện T chấp thuận để xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Xuân T1 đối với diện tích 772,5m² đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a là chưa phù hợp như những nhận định nêu trên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

[4] Xét thấy, tại phiên tòa anh C, đại diện cho các đồng nguyên đơn đồng ý trả giá trị cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định tổng cộng 15.684.500 đồng; tự nguyện nộp 4.434.000 đồng các lệ phí Tòa án và tự nguyện hỗ trợ tiền công suất là 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của luật sư Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của luật sư T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên hộ ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $772,5\text{m}^2 \times 400.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5\% = 15.450.000$ đồng.

[9] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên anh C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Tấn C.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Xuân T1 trả lại diện tích $772,5\text{m}^2$ đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, đất chưa được cấp quyền sử dụng đất (sổ mục kê, bản đồ 299 ghi tên cơ quan bệnh viện, nay là Trung tâm y tế huyện L), tọa lạc tại xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Nguyễn Xuân T1 gồm: ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T3, anh Nguyễn Toàn T4, chị Nguyễn Thị Phương A trả lại cho anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P diện tích đất $772,5\text{m}^2$ đất thuộc thửa 317, tờ bản đồ 8a, đất tọa lạc xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có tứ cận như sau:

- Phần giáp đất Võ Tường Vân gồm nối dài các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9.

- Phần giáp vách tường còn lại của Trung tâm y tế huyện L gồm các mốc M2, M3, M4.

- Phần giáp đất Huỳnh Thanh Điền gồm các mốc M1, M15, M13, M11, M9.

- Phần giáp kênh thủy lợi từ mốc M1, M2.

(kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

3. Anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất như trên theo quy định pháp luật.

4. Buộc anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P trả giá trị các loại cây trồng, giá trị còn lại căn nhà và hàng rào cho hộ ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T3, anh Nguyễn Toàn T4, chị Nguyễn Thị Phương A với số tiền 15.684.500 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

5. Buộc hộ ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T3, anh Nguyễn Toàn T4, chị Nguyễn Thị Phương A giao toàn bộ các loại cây trồng, căn nhà và hàng rào cho các nguyên đơn anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P quản lý, sử dụng (Kèm theo biên bản (Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đất đang tranh chấp ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và biên bản định giá tài sản ngày 08/10/2018 do Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thành lập).

6. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị Ánh X, ông Huỳnh Tấn M, ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Ngọc P, anh Huỳnh Tấn L, chị Huỳnh Thị N, anh Huỳnh Tấn P hỗ trợ tiền công suất cho hộ ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T3, anh Nguyễn Toàn T4, chị Nguyễn Thị Phương A với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng

50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành xong.

7. Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá:

Các nguyên đơn Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C tự nguyện nộp 4.434.000 đồng, số tiền này các nguyên đơn đã nộp và đã chi xong.

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ ông Nguyễn Xuân T1 gồm: ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Phương T3, anh Nguyễn Toàn T4, chị Nguyễn Thị Phương A liên đới chịu 15.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các nguyên đơn Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị Ánh X, Huỳnh Tấn M, Huỳnh Tấn T, Huỳnh Tấn L, Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc P, Huỳnh Tấn P, Huỳnh Thị H, Huỳnh Tấn C nộp 784.200 đồng nhưng được khấu trừ 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 037082 ngày 28/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Các nguyên đơn được nhận lại 1.015.800 đồng.

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Huỳnh Tấn C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 16699 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện L.

10. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Nước

